

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HOÀNG THỊ MINH

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC XẾP HẠNG
TÍN DỤNG NỘI BỘ KHÁCH HÀNG DOANH
NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM,
CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng
Mã số: 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2015

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS. TRƯƠNG BÁ THANH

Phản biện 1: TS. HỒ HỮU TIẾN

Phản biện 2: PGS.TS. PHAN THỊ BÍCH NGUYỆT

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ quản trị kinh doanh, họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 11 tháng 04 năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Lý do Chọn đề tài

Một trong những biện pháp quản trị của Ngân hàng Thương mại là sử dụng các mô hình phân tích để chấm điểm về chất lượng, uy tín tín dụng của Khách hàng; từ đó có thể chọn lọc Khách hàng tốt và có chính sách phù hợp đối với từng đối tượng khách hàng nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động tín dụng. Xếp hạng tín dụng nội bộ là cơ sở để quản trị rủi ro tín dụng nhằm hạn chế và giới hạn rủi ro ở mức mục tiêu; đồng thời cũng hỗ trợ ngân hàng trong việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, tiến tới mục đích tối đa hóa lợi nhuận và bảo vệ sự ổn định của hệ thống ngân hàng. Việc nghiên cứu hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng nội bộ là cần thiết và là đề tài cần được quan tâm đầu tư tại các Ngân hàng Thương mại.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Làm sáng tỏ những lý luận chung về Công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng thương mại.
- Phân tích, đánh giá thực trạng công tác Xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông;
- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông.

3. Câu hỏi hay giả thuyết nghiên cứu

Những nghiên cứu của đề tài nhằm trả lời các câu hỏi nghiên cứu chủ yếu sau:

- Nội dung công tác xếp hạng tín dụng nội bộ là gì? Xuất phát từ đó nêu ra những tiêu chí chủ yếu nào đánh giá kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ?
- Nhân tố chủ yếu nào có tác động đến công tác xếp hạng tín dụng nội bộ?
- Ngân hàng thương mại cần làm gì hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng nội bộ?

- Công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông có những điểm gì phù hợp và chưa phù hợp?

- Để hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp thì Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông cần thực hiện những biện pháp nào?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Trong khuôn khổ giới hạn của đề tài, đối tượng nghiên cứu là công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013. Phạm vi nghiên cứu sẽ tập trung vào công tác xếp hạng tín dụng nội bộ Khách hàng doanh nghiệp tại Vietinbank.

5. Phương pháp luận nghiên cứu và tiếp cận

Việc nghiên cứu đề tài thực hiện theo phương pháp tiếp cận và nghiên cứu thực nghiệm để từ đó đưa ra kết luận và đề xuất các giải pháp. Phân tích thực trạng, kiểm chứng các chỉ tiêu đánh giá và đưa ra các góp ý sửa đổi nhằm hoàn thiện hơn công tác xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp tại Vietinbank.

6. Kết cấu luận văn

Kết cấu của đề tài bao gồm 03 phần chính:

- **Chương 1.** Cơ sở lý luận về công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp của các Ngân hàng thương mại.

- **Chương 2.** Thực trạng công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông.

- **Chương 3.** Các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Đề tài này sẽ bao gồm một số các nghiên cứu về các hệ thống chấm điểm xếp hạng tín dụng hiện đang được áp dụng tại các tổ chức chấm điểm uy tín quốc tế, kết hợp với một số mô hình đánh giá xếp hạng doanh nghiệp và trên nền tảng hệ thống xếp hạng hiện tại của Vietinbank. Đồng thời, nghiên cứu về nguyên tắc trong việc thực hiện

xếp hạng tín dụng nội bộ Khách hàng Doanh nghiệp. Việc tìm ra một số điểm trọng yếu của hệ thống xếp hạng tín dụng giúp cho các cấp quản lý chức năng trong ngân hàng có cơ chế giám sát phù hợp đối với công tác chấm điểm tín dụng cho khách hàng, bên cạnh đó đề xuất một số cải tiến cho hệ thống XHTD của Vietinbank.

8. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

“Hoàn thiện mô hình tổ chức Quản trị rủi ro tín dụng tại Agribank nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong hội nhập quốc tế” của ThS. Đinh Thu Hương, ThS. Phan Đăng Lưu.

“Thực trạng quản lý rủi ro tín dụng theo thông lệ Basel tại các Ngân hàng thương mại Việt Nam” của Nhóm nghiên cứu đề tài cấp ngành Ngân hàng 2013”.

“Các nguyên tắc chung trong hoạt động của hệ thống thông tin tín dụng” của Nhật Trung, Hà Lan Phương.

“Quản trị công ty và quản lý rủi ro hoạt động tại các ngân hàng thương mại Việt Nam” của TS. Phạm Tiến Thành và ThS. Dương Thanh Hà.

- Đề tài: Hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh thành phố Đà Nẵng. Tác giả Nguyễn Thị Việt, luận văn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh trường Đại học Đà Nẵng năm 2013.

- Đề tài: Hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Tài. Tác giả Trương Thị Anh Đào, luận văn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh trường Đại học Đà Nẵng năm 2013.

Một số các luận văn cao học có liên quan của các tác giả khác cũng được tham khảo trong những tìm hiểu, nghiên cứu của tôi như:

- Luận văn của tác giả Thái Vĩnh Chí: “Hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định”, Năm 2013.

- Luận văn của tác giả Lê Minh Vương: “Hoàn thiện công tác xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng doanh nghiệp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum”, Năm 2012.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN DỤNG NỘI BỘ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. RỦI RO TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm rủi ro tín dụng đối với Khách hàng Doanh nghiệp

Theo điều 2 của quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của Tổ chức tín dụng (TCTD) ban hành theo quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: “rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của TCTD do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết”.

1.1.2. Phân loại rủi ro tín dụng đối với Khách hàng Doanh nghiệp

- Căn cứ vào nội dung quản lý, rủi ro tín dụng được phân loại như sau:

+ Rủi ro giao dịch: là rủi ro tín dụng (RRTD) liên quan đến từng khoản tín dụng mỗi khi Ngân hàng(NH) ra quyết định cho vay đối với một dự án của khách hàng.

+ Rủi ro danh mục: là RRTD liên quan đến sự kết hợp nhiều khoản tín dụng trong danh mục tín dụng của NH. Đó có thể là rủi ro xuất phát từ đặc thù của mỗi ngành nghề kinh tế hoặc của mỗi loại khách hàng vay vốn hoặc rủi ro do NH sử dụng quá nhiều một loại hình cho vay nào đó hoặc tập trung dư nợ vào một hoặc một số khách hàng, ngành kinh tế hoặc khu vực địa lý nhất định.

- Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh, rủi ro tín dụng được phân loại như sau:

+ Rủi ro khách quan: là những rủi ro xuất phát từ nguyên nhân nằm ngoài phạm vi và khả năng kiểm soát của NH.

+ Rủi ro chủ quan: là những rủi ro xuất phát từ sự yếu kém hoặc sai phạm của NH gắn với hoạt động cho vay.

1.1.3. Đặc điểm rủi ro tín dụng đối với Khách hàng Doanh nghiệp

- Rủi ro tín dụng đối với Khách hàng doanh nghiệp (KHDN) mang tính tất yếu

+ RRTD luôn tồn tại và gắn liền với hoạt động cấp tín dụng của các ngân hàng.

+ NH phải chủ động áp dụng các biện pháp thích hợp để xử lý vấn đề thông tin không cân xứng nhằm đối phó với rủi ro, đo lường rủi ro và xác định giá của khoản vay phù hợp.

- RRTD đối với KHDN mang tính gián tiếp: Biểu hiện của đặc điểm này trong thực tế là NH thường biết sau, biết không đầy đủ hoặc không chính xác về những khó khăn, thất bại trong quá trình hoạt động đầu tư, kinh doanh của khách hàng.

- RRTD đối với KHDN rất đa dạng, phức tạp: Đặc điểm này biểu hiện ở sự đa dạng, phức tạp của nguồn gốc phát sinh rủi ro, loại hình rủi ro cũng như những hậu quả do RRTD KHDN gây ra.

- RRTD khó giám sát: Đối với tín dụng KHDN việc đánh giá Ban lãnh đạo doanh nghiệp, nguồn trả nợ, mục đích sử dụng vốn vay thường khó đầy đủ và rõ ràng dẫn đến rủi ro thông tin bất cân xứng, khiến cho việc thẩm định khách hàng thiếu chính xác.

1.1.4 Mô hình đánh giá rủi ro tín dụng

a. Mô hình chất lượng (dựa trên yếu tố 6 C)

Yếu tố 6 C bao gồm:

- Tư cách người vay (Character): tìm hiểu mục đích xin vay của khách hàng, mục đích vay của khách hàng có phù hợp với chính sách tín dụng hiện hành của ngân hàng hay không

- Năng lực của người vay (Capacity): Đối với cá nhân, dưới 18 tuổi không đủ tư cách ký hợp đồng tín dụng; đối với doanh nghiệp, phải căn cứ vào giấy phép kinh doanh, quyết định thành lập, quyết định bổ nhiệm người điều hành.

- Thu nhập của người vay (Cash): Trước hết phải xác định được nguồn trả nợ của người vay như luồng tiền từ doanh thu bán hàng hay từ thu nhập, tiền từ bán thanh lý tài sản, hoặc tiền từ phát hành chứng khoán ... Sau đó cần phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp vay vốn thông qua các tỷ số tài chính sau

- Bảo đảm tiền vay (Collateral): Đây là điều kiện để ngân hàng cấp tín dụng và là nguồn tài sản thứ hai có thể dùng để trả nợ vay cho ngân hàng.

- Các điều kiện (Conditions): Ngân hàng quy định các điều kiện tùy theo chính sách tín dụng theo từng thời kỳ

- Kiểm soát (Control): Tập trung vào những vấn đề như các thay đổi trong pháp luật và quy chế có ảnh hưởng xấu đến người vay? Yêu cầu tín dụng của người vay có đáp ứng được tiêu chuẩn của ngân hàng?

b. Mô hình điểm số Z (Z - Credit scoring model)

Altman đã xây dựng mô hình điểm như sau:

$$Z = 1,2 X_1 + 1,4 X_2 + 3,3 X_3 + 0,6 X_4 + 1,0 X_5$$

Trong đó,

X_1 = Hệ số vốn lưu động / tổng tài sản

X_2 = Hệ số lãi chưa phân phối / tổng tài sản

X_3 = Hệ số lợi nhuận trước thuế và lãi / tổng tài sản

X_4 = Hệ số giá trị thị trường của tổng vốn sở hữu / giá trị hạch toán của tổng nợ

X_5 = Hệ số doanh thu / tổng tài sản

Trị số Z càng cao, thì người vay có xác suất vỡ nợ càng thấp. Vậy khi trị số Z thấp hoặc là một số âm sẽ là căn cứ xếp khách hàng vào nhóm có nguy cơ vỡ nợ cao. Theo mô hình cho điểm Z của Altman, bất cứ công ty nào có điểm số thấp hơn 1,81 phải được xếp vào nhóm có nguy cơ rủi ro tín dụng cao.

1.2 CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN DỤNG NỘI BỘ ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

1.2.1 Khái niệm xếp hạng tín dụng nội bộ

Hệ thống xếp hạng tín dụng là một quy trình đánh giá xác suất một khách hàng của ngân hàng không thực hiện được nghĩa vụ tài chính của mình đối với NHCV như không trả được lãi và gốc nợ vay khi đến hạn hoặc vi phạm các điều kiện tín dụng khác.

1.2.2 Ý nghĩa công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng thương mại

Xếp hạng tín dụng là một trong những công cụ quan trọng trong công tác quản trị tín dụng. Kết quả XHTD được sử dụng như là dữ liệu đầu vào cho công tác:

- Ra quyết định cấp tín dụng

- Giám sát và đánh giá khách hàng tín dụng khi khoản tín dụng đang có dư nợ

- Phát triển chiến lược marketing nhằm hướng tới khách hàng có ít rủi ro. Ước lượng mức vốn đã cho vay không thu hồi được để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

1.2.3 Phương pháp xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp

Phương pháp định lượng: Chủ yếu dựa vào các số liệu thống kê và thông qua các công thức toán học được thiết lập để tổng hợp, đánh giá các chỉ tiêu.

Phương pháp định tính: phương pháp này dựa vào việc lấy ý kiến chuyên gia, có chuyên môn sâu trong lĩnh vực XH, đồng thời có kiến thức liên ngành rất tổng hợp.

- *Phương pháp lấy ý kiến:*

+ Thu thập ý kiến của ban quản lý điều hành, lấy ý kiến các đối tác đang có mối quan hệ kinh doanh với tổ chức được xếp hạng, và các nguồn khác.

+ Lấy ý kiến của các chuyên gia về xu hướng tác động của các nhân tố.

+ Tổng hợp đưa ra kết quả.

- *Phương pháp Delphi (Phương pháp chuyên gia):*

Các bước thực hiện:

+ Xây dựng các câu hỏi điều tra lần đầu tiên cho các chuyên gia

+ Phân tích các câu trả lời, tổng hợp thành bảng trả lời

+ Soạn thảo các câu hỏi lần thứ hai cho các chuyên gia.

+ Thu thập, phân tích lần hai...

Phương pháp kết hợp: Dùng trọng số giản đơn để kết hợp những đánh giá định tính của các chuyên gia với định lượng hoá một số chỉ tiêu:

+ Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Cho trọng số từng nhân tố tùy theo mức độ quan trọng của nó, hoặc có thể không có trọng số nếu như số điểm quy định đã bao hàm cả trọng số rồi.

+ Cho điểm từng nhân tố theo tính chất tác động của nó đến quá trình hoạt động của DN, có so sánh với chỉ tiêu của các nhóm DN so sánh.

+ Tính tổng điểm cho từng chỉ tiêu sau khi nhân số điểm với trọng số theo năm Tài chính và trọng số nhân tố.

+ Xếp hạng dựa vào công thức tính điểm cho từng chỉ tiêu.

1.2.4. Nội dung công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp của ngân hàng thương mại

Quy trình XHTD là quá trình thu thập và xử lý thông tin một cách khoa học, khách quan nhằm đưa ra kết quả chính xác nhất.

Bước 1: Tổ chức công tác xếp hạng

Bao gồm việc ban hành quy chế và tổng hợp các quy định, quy trình và tài liệu liên quan đến công tác này để làm căn cứ thực hiện.

Bước 2: Thu thập và xử lý thông tin

Nguồn thu thập thông tin chủ yếu là từ chính các doanh nghiệp, từ các cơ quan thông tin tín dụng công và tư; từ cơ quan đăng ký doanh nghiệp (Bộ và các sở kế hoạch đầu tư), trung tâm đăng ký tài sản đảm bảo, tổng cục thống kê, bộ tài chính, cơ quan thuế, toà án... và các nguồn thông tin khác như báo chí, internet...

Sau khi thu thập thông tin, ngân hàng tiến hành xử lý thông tin để lựa chọn, sàng lọc chọn ra những thông tin phù hợp, có tính xác thực cao.

Bước 3: Tiến hành xếp hạng

Sau khi thu thập và xử lý thông tin, nhân viên ngân hàng tiến hành xếp hạng thông qua phần mềm xếp hạng. Trên cơ sở phân tích các chỉ tiêu tài chính, chỉ tiêu tài chính và mức độ ảnh hưởng tới doanh nghiệp, người thực hiện có thể đưa ra kết quả phân tích từng chỉ tiêu, tính tổng hợp số điểm của các chỉ tiêu. Đối chiếu kết quả với bảng xếp hạng gồm các kí hiệu, người thực hiện đưa ra kết quả xếp hạng doanh nghiệp vay vốn đó cùng với nhận xét và khuyến nghị.

Bước 4: Sử dụng kết quả xếp hạng tín dụng

Kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp thường được các ngân hàng lưu hành nội bộ và dựa trên kết quả đó nhằm đưa ra quyết định cấp tín dụng, hạn mức tín dụng, chính sách lãi suất, phí...

Bước 5: Kiểm soát, đánh giá và điều chỉnh

Ngân hàng bố trí bộ phận giám sát định kỳ hoặc thường xuyên về tính chính xác của kết quả xếp hạng tín dụng doanh nghiệp; đồng thời thông qua đó đưa ra được các biện pháp cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả của công tác này.

1.2.5. Tiêu chí đánh giá công tác xếp hạng tín dụng doanh nghiệp của ngân hàng thương mại

a. Tính chính xác, kịp thời và đầy đủ của thông tin đầu vào

- Thông tin về báo cáo tài chính phải chính xác, thông thường sử dụng báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

- Thông tin phi tài chính của doanh nghiệp cần được cập nhật đầy đủ kịp thời.

- Thông tin cần được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, có thể đối chiếu và so sánh được.

b. Khả năng đo lường rủi ro thông qua kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ

Để đánh giá khả năng đo lường rủi ro cần thực hiện đối chiếu kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ và thực tế phát sinh nợ xấu, nợ ngoài bảng tại chi nhánh thông qua một số chỉ tiêu cụ thể như:

- Mức giảm tỷ lệ nợ xấu: Tỷ lệ nợ xấu là tỷ lệ phần trăm giữa nợ xấu (nợ nhóm 3, 4, 5) và tổng dư nợ cho vay ở một thời điểm nhất định, thường là cuối tháng, cuối quý, cuối năm.

- Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro: Mức trích lập dự phòng rủi ro tín dụng phản ánh mức độ rủi ro tín dụng của Ngân hàng dựa trên việc phân loại nợ theo mức độ rủi ro.

- Mức giảm tỷ lệ xóa nợ rỗng trong kỳ: Chỉ tiêu này đánh giá khả năng thu nợ từ các khoản nợ đã chuyển ra ngoài bảng và đang được ngân hàng sử dụng các biện pháp mạnh để thu hồi.

c. Số lượng doanh nghiệp được xếp hạng tín dụng nội bộ

Được đánh giá thông qua việc xếp hạng tín dụng nội bộ có áp dụng được đối với nhiều loại hình doanh nghiệp không?; nhiều lĩnh vực kinh doanh hay không?; quy mô, giai đoạn phát triển của các doanh nghiệp khác nhau liệu có được phản ánh chính xác hay không?

d. Việc thực hiện chính sách khách hàng thông qua kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ

Kết quả chấm điểm XHTD NB khách hàng là công cụ để chọn lọc khách hàng, từ đó xây dựng chính sách khách hàng phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Chính sách khách hàng được cụ thể hóa bằng chính sách lãi suất, phí, các chương trình ưu đãi, mức cấp GHTD ...

1.2.4 Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng doanh nghiệp

a. Nhân tố từ phía doanh nghiệp

- Sự sẵn sàng và khả năng cung cấp thông tin: Những thông tin cung cấp từ phía DNVV là những dữ liệu đầu tiên có tính chất nền tảng quyết định tính chính xác cho những bước tiếp theo của công tác XHTD NB. Mặc dù, quy trình XHTD NB của các NHTM được xây dựng bài bản, khoa học và thực tế nhưng nếu thông tin đầu vào không chính xác thì sẽ cho ta một kết quả không có ý nghĩa thực tế.

- Đặc điểm hoạt động của DNVV: Mỗi loại hình sở hữu DN khác nhau sẽ dẫn đến cơ cấu tổ chức bộ máy, đội ngũ quản lý, phân tách quyền lực cũng như hiệu quả hoạt động khác nhau. Thêm vào đó, yếu tố ngành nghề, môi trường kinh doanh, mức độ cạnh tranh, khả năng sinh lời, tiềm lực tài chính... khác nhau cũng dẫn đến những mức độ tín nhiệm của DNVV là khác nhau.

- Lịch sử tín dụng của DNVV: là một bản thống kê về tình hình trả nợ gốc và lãi cũng như các vấn đề phát sinh trong những lần nhận nợ tại các TCTD trong quá khứ.

b. Nhân tố từ phía ngân hàng

- Quy trình XHTD NB: Một quy trình được xây dựng khoa học, hợp lý, phù hợp với những thông tin cần đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng sẽ thuận lợi cho quá trình phối hợp giữa CBTD và DNVV.

- Bộ chỉ tiêu sử dụng để XHTD: Các chỉ tiêu đang được sử dụng phổ biến tại các NHTM Việt Nam hiện nay được chia làm 2 nhóm là chỉ tiêu tài chính và chỉ tiêu phi tài chính.

- Trình độ cán bộ tín dụng: CBTD là người trực tiếp thu thập thông tin, thẩm định, đánh giá và cho điểm nhằm phục vụ cho việc ra quyết định TD. Trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp và kỹ năng tác nghiệp là những yếu tố quyết định đến chất lượng của công tác XHTD.

- Trình độ công nghệ: Việc chấm điểm thống nhất bởi một phần mềm chuyên dụng, lắp đặt đồng bộ thống nhất trên toàn hệ thống sẽ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao hiệu quả lưu trữ thông tin, quản lý tín dụng, đồng thời giảm thiểu những sai sót do chủ quan CBTD.

c. Các nhân tố khác

- Quy định, chính sách của Nhà nước:

- Chuẩn mực kế toán:

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN DỤNG NỘI BỘ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG

2.1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

a. Vài nét về Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank), tiền thân là Ngân hàng Công thương Việt Nam, được thành lập dưới tên gọi Ngân hàng chuyên doanh công thương Việt Nam theo nghị định số 53/NĐ-HĐBT ngày 26/03/1988 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức bộ máy NHNNVN. Ngày 01/07/1988, Ngân hàng chính thức ra đời và đi vào hoạt động trên cơ sở vụ tín dụng công nghiệp và vụ tín dụng thương nghiệp của NHHNTW cùng với các phòng TCTD, TDTN của 17 chi nhánh NHNN địa phương. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông chính thức hòa mạng cùng toàn hệ thống ngày 22/4/2011 gồm Ban giám đốc, phòng Khách hàng, Phòng kế toán, Phòng tổ chức hành chính, Tổ tiền tệ kho quỹ, phòng tổng hợp và Phòng quản lý rủi ro với gần 50 cán bộ nhân viên được đào tạo chuyên sâu từng nghiệp vụ.

b. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông chính thức hòa mạng cùng toàn hệ thống ngày 22/4/2011 gồm Ban giám đốc, phòng Khách hàng, Phòng kế toán, Phòng tổ chức hành chính, Tổ tiền tệ kho quỹ, phòng tổng hợp và Phòng quản lý rủi ro với gần 50 cán bộ nhân viên được đào tạo chuyên sâu từng nghiệp vụ.

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông

- Huy động tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi thanh toán của các tổ chức cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài

nước, vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn theo qui định của NHTMCP công thương Việt Nam.

- Cho vay ngắn, trung và dài hạn bằng VNĐ và ngoại tệ: cho vay theo món, cho vay tiêu dùng, cho vay theo hạn mức, cho vay theo dự án, cho vay đồng tài trợ, chiết khấu giấy tờ có giá...

- Bảo lãnh bằng VNĐ và ngoại tệ dưới mọi hình thức khác nhau trong và ngoài nước.

- Thanh toán bằng VNĐ và ngoại tệ như: thanh toán chuyển tiền điện tử trong cả nước, thanh toán quốc tế qua mạng TELEX, SWIFT...

- Đầu tư dưới các hình thức góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phần, mua tài sản và các hình thức đầu tư khác với DN và tổ chức tài chính tín dụng.

- Thực hiện mua bán giao ngay, có kỳ hạn và hoán đổi các loại ngoại tệ mạnh với thủ tục nhanh gọn, tỷ giá phù hợp.

- Thực hiện làm đại lý và dịch vụ ủy thác cho các tổ chức tài chính tín dụng và cá nhân trong và ngoài nước như: tiếp nhận và triển khai các dự án ủy thác vốn, dịch vụ giải ngân cho dự án đầu tư, dự án ủy nhiệm, thanh toán thẻ tín dụng, séc du lịch...

- Cung ứng các dịch vụ như: cất giữ, chi trả lương tại DN, chi trả kiều hối, chuyển tiền nhanh, thu tiền tại nhà...

2.1.3. Cơ cấu tổ chức và quản lý

Khi thành lập, Chi nhánh Đắk Nông chỉ có 05 phòng/tổ: Tổ chức hành chính, Tiền tệ kho quỹ, Kế toán, Khách hàng và Quản lý rủi ro. Ban lãnh đạo ngân hàng TMCP Công thương đã xác định về chuyên đổi quy mô tổ chức là nhiệm vụ trọng tâm của công tác tổ chức cán bộ.

Đến năm 2012, Chi nhánh Đắk Nông đã tách thêm 02 phòng tổ: Phòng Khách hàng cá nhân, phòng Tổng hợp theo quy định Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Mỗi phòng, ban đều có chức năng và nhiệm vụ riêng. Đến cuối năm 2012 Chi nhánh Đắk Nông có 49 cán bộ công nhân viên có đủ năng lực, trình độ chuyên môn. Trong đó trình độ đại học chiếm 86%, cao đẳng 2%, trung cấp 6%, trình độ khác 6%. Cơ cấu nhân sự của Chi nhánh Đắk Nông do Tổng Giám Đốc VietinBank

ký quyết định hoặc do giám đốc Chi nhánh sắp xếp, bố trí trình Tổng giám đốc phê duyệt.

2.1.4. Kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông

Sau 03 năm chính thức khai trương hoạt động kết quả kinh doanh của Chi nhánh Ngân hàng Công thương Đắk Nông đã có nhiều chuyển biến tích cực: Nguồn vốn không ngừng tăng trưởng qua các năm: năm 2012 tăng 20,7% so với năm 2011, năm 2013 tăng 19,7% so với năm 2012. Dự nợ cho vay năm 2012 tăng 315,7% so với năm 2011, năm 2013 giảm 1,0% so với năm 2012

- Công tác huy động vốn giai đoạn 2011 – 2013

Nguồn vốn huy động năm 2011 là 252.400 triệu đồng trong đó, Tiền gửi dân cư đạt 81.149 triệu đồng; Tiền gửi TCKT là 127.712 triệu đồng; Tiền gửi TCTD là 0,5 triệu đồng; Tiền gửi Kho bạc đạt 40.959 triệu đồng; Tiền gửi khác đạt 2.579,5 triệu đồng. Năm 2012 chi nhánh Đắk Nông tiếp tục đẩy mạnh thu hút vốn và đạt được nhiều hiệu quả tích cực Tổng nguồn vốn huy động đạt 304.589 triệu đồng tăng 20,7%. Cụ thể, Tiền gửi dân cư đạt 132.186 triệu đồng tăng 62,9%. Tiền gửi TCKT đạt 121.378 triệu đồng giảm -5,0% so với năm 2011 nguyên nhân do ảnh hưởng từ sụt giảm sản lượng xuất khẩu nông sản trên địa bàn. Tiền gửi TCTD đạt 15.148 triệu đồng tăng 3.029.500% so với năm 2011. Tiền gửi Kho bạc 33.873 tỷ đồng giảm 17,3% so với năm 2011. Tiền gửi khác đạt 2.004 triệu đồng giảm 22,3% so với năm 2011. Năm 2013 tổng nguồn vốn huy động của Chi nhánh là 364.24 triệu đồng tăng 19,7%. Trong đó, Tiền gửi dân cư đạt 149.143 triệu đồng tăng 12,8% so với năm trước; Tiền gửi TCKT là 193.408 triệu đồng tăng 59,3% so với năm trước do sự tác động tích cực từ sự phục hồi nền kinh tế.

- Công tác cho vay giai đoạn năm 2011 – 2013

Năm 2011, tổng dự nợ đạt 193.537 triệu đồng, xét theo thời hạn tín dụng thì, Dự nợ ngắn hạn đạt 108.991 triệu đồng, Dự nợ trung hạn 81.546 triệu đồng, Dự nợ dài hạn 3.000 triệu đồng. Năm 2012, tổng dự nợ đạt 804.576 triệu đồng tăng 315,7%. Trong đó, Dự nợ ngắn hạn đạt

433.774 triệu đồng tăng 298,0% so năm 2011; Dự nợ trung hạn 360.801 triệu đồng tăng 342,5%, Dự nợ dài hạn 10.001 triệu đồng tăng 233,4%.

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN DỤNG NỘI BỘ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG

2.2.1. Cơ sở pháp lý cho hoạt động xếp hạng tín dụng nội bộ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông

- Những quy định của ngành:

+ Ngày 24/01/2002, Thống đốc NHNN đã ký ban hành quyết định số 57/2002/QĐ-NHNN về việc triển khai thí điểm đề án phân tích, xếp loại TD DN.

+ Ngày 24 tháng 12 năm 2003, Thống đốc NHNN ký ban hành chỉ thị số 08/2003/CT - NHNN về việc nâng cao chất lượng TD của các TCTD, trong đó đặc biệt nhấn mạnh việc phân loại nợ, gia hạn và xử lý nợ, đồng thời tiến hành thanh tra các TCTD nhằm xử phạt những sai phạm.

+ Ngày 01 tháng 04 năm 2004, Thống đốc NHNN ký ban hành chỉ thị số 04/2004/CT-NHNN về việc tăng cường, quản lý, giám sát nhằm đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn - hiệu quả - bền vững, đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đạt 8%, đồng thời thực hiện rà soát, đánh giá, phân loại nợ theo nguyên nhân khó thu hồi để có biện pháp quản lý, giám sát và xử lý nợ thích hợp nhằm giảm thiểu nợ gia hạn, nợ quá hạn.

+ QĐ số 473/QĐ-NHNN ngày 28/04/2004 về việc triển khai đề án phân tích xếp hạng tín dụng DN.

+ Ngày 22/4/2005 Thống đốc NHNN đã ký QĐ số 493/2005/QĐ-NHNN, và bổ sung QĐ 18/NHNN ngày 25/04/2007, ban hành kèm theo qui định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý RRTD trong hoạt động NH của TCTD.

+ QĐ 1253/QĐ-NHNN ngày 21/06/2006 thay thế QĐ 473.

+ QĐ 227/NHNN ngày 07/07/2006 hướng dẫn một số nội dung phân tích và xếp hạng bổ sung QĐ 1253.

- Hệ thống văn bản, quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Hệ thống XHTD được hướng dẫn cụ thể trong sổ tay tín dụng của NHCT. Quyết định số 1880/QĐ-NHCT35 ngày 30/10/2006 về việc: ban hành Quy trình chấm điểm tín dụng và xếp hạng KH. Nhằm cải tiến hệ thống xếp hạng tín dụng ngày càng đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ Ngân hàng Công thương ban hành các quy định thay thế bổ sung cụ thể: Quyết định số 702/QĐ-NHCT35 ngày 31/03/2011 thay thế Quyết định 2960/QĐ-NHCT35. Hiện nay, NHCT chi nhánh Đắk Nông đang tiến hành xếp hạng các Khách hàng của mình theo quyết định số 3730/QĐ-NHCT35 ngày 22/12/2011 về việc: ban hành quy trình chấm điểm TD và xếp hạng KH.

2.2.2. Thực trạng công tác xếp hạng tín dụng nội bộ khách hàng Doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

a. Tổng quan về hệ thống chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Xếp hạng tín dụng nội bộ là hệ thống chấm điểm khách hàng dựa trên cơ sở dữ liệu các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính theo những thang bậc khác nhau. Trên cơ sở kết quả xếp hạng tín dụng, TCTD thiết lập chính sách khách hàng và điều quan trọng hơn là nó được sử dụng như một công cụ tự động đề xuất cấp tín dụng và chính sách lãi suất phù hợp với mức rủi ro của các khoản vay. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam hiện nay đã xây dựng được hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ riêng dựa trên những quy định theo chuẩn mực quốc tế.

Với việc xây dựng hệ thống XHTD NB áp dụng cho toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam dựa trên những quy định theo chuẩn mực quốc tế. Công tác phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đã dần tiệm cận với chuẩn mực theo thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, việc xây dựng chính sách khách hàng thông qua kết quả XHTD NB được xem như là công cụ phát hiện sớm rủi ro tiềm ẩn có thể phát sinh, xác định giá bán hàng dựa trên mức độ rủi ro với từng khách hàng.

Hệ thống chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam là một quy trình đánh giá khả năng thực hiện các nghĩa vụ tài chính của một Khách hàng đối với ngân hàng cho vay (NHCV) như trả lãi và gốc nợ vay khi đến hạn nhằm xác định rủi ro trong hoạt động cấp TD của NHCV. Mức độ RRTD thay đổi theo từng KH và được xác định thông qua quá trình đánh giá bằng thang điểm, dựa vào các thông tin tài chính và phi tài chính có sẵn của KH tại thời điểm chấm điểm TD và xếp hạng KH.

b. Quy trình XHTD các DN được thực hiện tuân tự theo các bước như sau

+ Bước 1: Thu thập thông tin.

- Người thực hiện: Cán bộ chấm điểm tín dụng (CB CĐTĐ).
 - Thông tin sử dụng để chấm điểm và xếp hạng là thông tin tài chính cập nhật đến thời điểm lập báo cáo năm tài chính gần nhất và thông tin phi tài chính cập nhật đến thời điểm chấm điểm và xếp hạng.

+ Bước 2: Xác định, phân loại ngành nghề/lĩnh vực sản xuất kinh doanh của DN.

Người thực hiện: CB CĐTĐ

Căn cứ vào ngành nghề/lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính đăng ký trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và/hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của doanh nghiệp, xác định, phân loại ngành nghề/lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

+ Bước 3: Chấm điểm và xác định quy mô của doanh nghiệp/hợp tác xã.

- Người thực hiện: CB CĐTĐ

- Các tiêu chí sử dụng để chấm điểm và xác định quy mô doanh nghiệp gồm: nguồn vốn kinh doanh, lao động, doanh thu thuần và giá trị nộp NSNN

+ Bước 4: Chấm điểm các chỉ số tài chính.

Tiến hành thẩm định các báo cáo tài chính, lập bảng cân đối kế toán sau điều chỉnh theo hướng dẫn phân tích báo cáo tài chính DN trong hệ thống NHCT VN. Căn cứ vào kết quả xác định ngành nghề/lĩnh vực sản

xuất kinh doanh và quy mô của DN tại bước 2 và 3; các số liệu trên cân đối kế toán sau điều chỉnh, chấm điểm các chỉ số tài chính của doanh nghiệp theo hướng dẫn cụ thể của NH áp dụng cho chấm điểm các DN thuộc ngành nông lâm ngư nghiệp; ngành thương mại dịch vụ; ngành xây dựng; và ngành công nghiệp.

+ Bước 5: Chấm điểm các tiêu chí phi tài chính.

- Người thực hiện: Cán bộ CĐTĐ

- Chấm điểm các tiêu chí phi tài chính của doanh nghiệp theo các tiêu chí: lưu chuyên tiền tệ; tiêu chí năng lực và kinh nghiệm quản lý; uy tín trong giao dịch với NH; môi trường kinh doanh; và các đặc điểm hoạt động khác.

+ Bước 6: Tổng hợp điểm và xếp hạng doanh nghiệp/hợp tác xã.

Người thực hiện: CB CĐTĐ

Cộng tổng số điểm tài chính và phi tài chính và nhân với trọng số tương ứng (có tính đến báo cáo tài chính có được kiểm toán hay không) để xác định điểm tổng hợp.

+ Bước 7: Đánh giá RRTD theo kết quả xếp hạng doanh nghiệp/hợp tác xã.

Người thực hiện: CB CĐTĐ

Thực hiện xếp hạng các khách hàng là doanh nghiệp thành 10 hạng theo quy định của NHCT VN có mức độ rủi ro từ thấp lên cao: AA⁺, AA⁻, BB⁺, BB, BB⁻, CC⁺, CC, CC⁻

+ Bước 8: Trình phê duyệt kết quả chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng doanh nghiệp.

Người thực hiện: CB CĐTĐ.

Sau khi hoàn tất việc CĐTĐ và xếp hạng DN, lập tờ trình báo cáo kết quả, ký và trình lãnh đạo phòng.

+ Bước 9: Rà soát kết quả chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng (đối với những khách hàng vượt mức phán quyết của Chi nhánh).

Người thực hiện: CB QLRR.

Căn cứ hồ sơ khách hàng do phòng CĐTĐ chuyển đến, thông tin các nguồn khác (nếu có), rà soát theo các nội dung

+ Bước 10: Hoàn thiện hồ sơ kết quả chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng đối với những khách hàng vượt mức phán quyết của Chi nhánh).

CB CĐTĐ tiếp nhận kết quả rà soát của phòng QLRR, hoàn thiện hồ sơ chấm điểm, xếp hạng KH.

Lãnh đạo phòng CĐTĐ kiểm soát, phê duyệt hồ sơ chấm điểm, xếp hạng khách hàng, trình lãnh đạo NHCV phê duyệt.

+ Bước 11: Phê duyệt kết quả chấm điểm tín dụng và xếp hạng khách hàng.

Người thực hiện: Lãnh đạo NHCV

Trên cơ sở tờ trình báo cáo kết quả của phòng CĐTĐ và báo cáo rà soát của phòng QLRR (nếu có), kiểm tra, phê duyệt kết quả CĐTĐ và xếp hạng khách hàng doanh nghiệp.

+ Bước 12: Cập nhật dữ liệu, lưu trữ hồ sơ.

Người thực hiện: CB CĐTĐ

Sau khi tờ trình được phê duyệt, tiến hành cập nhật kết quả CĐTĐ và xếp hạng khách hàng doanh nghiệp chính thức vào hệ thống thông tin tín dụng của ngân hàng.

Lưu trữ toàn bộ các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc chấm điểm vào hồ sơ TD chung.

2.3. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN DỤNG NỘI BỘ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG

2.3.1. Những kết quả đạt được

- Mô hình XHTD NB DN của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được xây dựng phù hợp với tiêu chuẩn đang sử dụng của nhiều tổ chức tín nhiệm trên thế giới. Mô hình này Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông tuân theo các trình tự, tiêu chí rất nghiêm ngặt và chặt chẽ, bao gồm: hệ thống các tiêu chí đánh giá và điểm trọng số; cách xác định giá trị của từng tiêu chí đánh giá; cách quy đổi giá trị sang điểm của tiêu chí đánh giá; cách XHTD NB KH và quan điểm cấp TD theo từng mức xếp hạng.

- Hệ thống XHTD nội bộ đã giúp Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông có cơ sở đánh giá thống nhất mang tính hệ thống trong suốt quá trình tìm hiểu khách hàng, đánh giá phân tích, thẩm định và ra

quyết định tín dụng, định giá khoản vay.

- Chất lượng tín dụng cũng được cải thiện và nâng lên theo hướng giảm dần tỷ trọng nợ xấu. Việc ứng dụng XHTD NB đã giúp Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông phản ánh thực chất nợ xấu, nợ quá hạn theo điều 7 quyết định 493/2005/QĐ – NHNN.

2.3.2. Những hạn chế còn tồn tại

- Chất lượng thông tin đầu vào là một trong những yếu tố quan trọng nhất quyết định đến chất lượng của XHTDNB, nhưng thực tế thông tin không đầy đủ, chưa chính xác, chưa được cập nhật đã ảnh hưởng lớn đến kết quả chấm điểm XHTD NB.

- Kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ mang tính chủ quan và chưa thực sự là căn cứ để làm cơ sở xây dựng các thước đo lượng hóa rủi ro, hỗ trợ ngân hàng tính toán chuẩn xác tổn thất dự tính và vốn yêu cầu tối thiểu bù đắp rủi ro.

- Phương pháp chấm điểm có nhiều hạn chế

2.4. NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG TỒN TẠI

- Nguyên nhân từ phía chi nhánh

Trình độ và năng lực của CBTD: các chỉ tiêu phi tài chính được chấm điểm hầu hết dựa trên sự đánh giá chủ quan của CBTD. Do vậy việc cho điểm, XHTD KH chính xác hay không phụ thuộc vào trình độ, năng lực, kinh nghiệm của CBTD.

Phương pháp chấm điểm XHTD: NH chưa áp dụng phương pháp thống kê, lựa chọn các chỉ tiêu so sánh, các tính chất tiêu biểu cho từng ngành.

Về công tác thu thập và xử lý nguồn thông tin: Thiếu sự liên kết cung cấp thông tin giữa NH với các tổ chức, cơ quan có liên quan.

NH chưa thực sự chiếm được niềm tin tưởng của DN cũng như có những cam kết bảo mật cụ thể để DN thẳng thắn bộc lộ mong muốn của

mình, đưa ra những thông tin quan trọng chính xác để mong nhận được sự tư vấn giúp đỡ của NH.

- Nguyên nhân từ phía DNVV

Tài liệu, báo cáo tài chính do DN cung cấp không phải lúc nào cũng đáng tin cậy và đặc biệt hầu hết chưa được kiểm tra, kiểm toán như hầu hết các DN vừa và nhỏ. Chất lượng kém của thông tin này do trình độ năng lực của DN chưa chuyên nghiệp, chưa có kỹ năng tốt trong tổng hợp thống kê, lập báo cáo tài chính hay cách trình bày ý tưởng phương án, kế hoạch kinh doanh, chưa có kinh nghiệm trong việc thu thập tài liệu liên quan để hoàn thiện hồ sơ vay vốn.

Nguyên tắc bảo mật thông tin của DN: các tài liệu họ cung cấp cho NH thường không thực sự chính xác và đầy đủ, nhất là các chỉ tiêu định tính. Đây cũng là một nguyên nhân làm cho công tác đánh giá, xếp hạng DN của các CBTD gặp nhiều khó khăn.

- Nguyên nhân từ phía CIC

Nguồn thông tin này hết sức đơn điệu, thiếu cập nhật, chưa phù hợp với thông lệ chung, công tác XHTD còn nhiều yếu kém, chưa tập hợp kết quả xếp hạng để có căn cứ quan trọng đánh giá toàn bộ KH có quan hệ TD với NH, không đáp ứng được nhu cầu cấp thiết của NH. Do đó kết quả xếp hạng này chưa là nguồn thông tin quan trọng hỗ trợ việc XHTD DNVV của NH.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN DỤNG NỘI BỘ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TẠI VIETINBANK – CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG

Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng, nâng cao thị phần, nâng cao năng lực cạnh tranh; đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; hoàn thiện chuyển đổi mô hình tổ chức theo hướng hiện đại như định hướng NHCT VN; nâng cao toàn diện chất lượng dịch vụ ngân hàng; nâng cao năng lực quản lý rủi ro, tập trung xử lý thu hồi nợ, kiểm soát nợ xấu, đảm bảo hoạt động của Chi nhánh với mục tiêu hàng đầu là: *“tăng trưởng an toàn, hiệu quả, bền vững”*; đồng thời thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, thể hiện trách nhiệm của VietinBank với cộng đồng.

- Nhiệm vụ cụ thể được xây dựng như sau:

+ Công tác nguồn vốn: củng cố, kiện toàn mạng lưới (khẩn trương mới 03 Phòng giao dịch), đào tạo kỹ năng, đội ngũ cán bộ. Đẩy mạnh cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng cường nguồn vốn dài hạn, ổn định. Bám sát chỉ đạo, định hướng của Trụ sở chính, nắm rõ diễn biến thị trường, chủ động triển khai đề xuất các sản phẩm huy động vốn nhằm đạt kế hoạch đề ra.

+ Công tác tín dụng: Nâng cao chất lượng thẩm định khách hàng; bám sát mục tiêu định hướng; chủ trương, chính sách, khung quản trị rủi ro của NHCT, đẩy mạnh công tác tiếp thị, chọn lọc thu hút khách hàng tốt, tiềm năng, tăng trưởng tín dụng an toàn hiệu quả.

3.2. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN DỤNG NỘI BỘ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI VIETINBANK – CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG

- Thường xuyên thực hiện đánh giá, XHTD, hoàn thiện hơn nữa hệ thống quy trình XHTD cho hợp lý và hiệu quả hơn.

- Từng bước nâng cao năng lực, trình độ và kiến thức nghiệp vụ, kiến thức xã hội cho CBTD trong công tác đánh giá DN, đặc biệt là các CBTD trẻ.

- Thực hiện đánh giá xếp hạng lại các DN thường xuyên theo xu hướng biến động mới của thị trường để có những chính sách thích hợp cũng như nhanh chóng kiểm tra giám sát thu nợ khi DN có biểu hiện xuống hạng.

- Không ngừng ứng dụng, nâng cấp điều chỉnh hệ thống công nghệ trong NH cũng như trong các phần mềm ứng dụng chấm điểm XHTD NB.

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách khách hàng thông qua kết quả XHTD NB nhằm tạo ra khác biệt từ đó thu hút khách hàng tốt.

3.3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC XẾP HẠNG TÍN DỤNG NỘI BỘ KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐẮK NÔNG

3.3.1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

Tiếp tục đổi mới chính sách TD theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo hành lang pháp lý và đảm bảo cho hoạt động TD được minh bạch, lành mạnh và an toàn hơn.

Rà soát lại các quy định hiện có liên quan đến công tác XHTD, trên cơ sở đó sửa đổi, xây dựng và bổ sung các văn bản pháp luật mang tính bắt buộc về XHTD

Cần ban hành thêm các văn bản hướng dẫn hỗ trợ đặc lực cho CBTD trong công tác XHTD DNVV.

Trên cơ sở phân chia ngành, nhóm ngành kinh tế một cách có hệ thống cần xây dựng hệ thống chỉ tiêu trung bình của từng ngành, từng nhóm ngành để làm cơ sở cho các NH lấy làm số liệu so sánh trong công tác XHTD DNVV.

3.3.2. Nâng cao chất lượng thu thập và xử lý thông tin cho công tác xếp hạng tín dụng nội bộ

- Yêu cầu cán bộ tín dụng thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau
- Tăng cường sự phối hợp giữa khách hàng và ngân hàng trong việc cung cấp thông tin
- Tăng cường công tác kiểm tra thông tin

- Tăng cường hợp tác và khai thác hiệu quả các thông tin về doanh nghiệp từ CIC (Trung tâm thông tin của Ngân hàng Nhà nước) và các ngân hàng trên địa bàn.

3.3.3. Hoàn thiện công tác tổ chức phân tích tín dụng và xếp hạng tín dụng nội bộ doanh nghiệp vay vốn

- Chuyên môn hoá quản lý DN theo ngành, lĩnh vực kinh doanh, theo thời hạn của khoản vay và theo các khâu của quy trình TD.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân tích, đánh giá, XHTD NB DNVV.

- Tiến hành XHTD NB cho DNVV một cách thường xuyên

3.3.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin

Thành lập một phần mềm XHTD cho chi nhánh, trên cơ sở dữ liệu là những khung xếp hạng, các tiêu chí, thang điểm có sẵn.

3.3.5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng nhân viên, xây dựng một chính sách tuyển dụng hợp lý

- NH có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại CBTD, hướng dẫn và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cử cán bộ đi học các lớp về nghiệp vụ.

- Chi nhánh Vietinbank Đắk Nông cần thực hiện công tác phân công công việc theo năng lực và sở trường của từng cán bộ để phát huy hết khả năng của từng cán bộ nhằm đem lại hiệu quả cao trong công việc.

- Vietinbank Đắk Nông nên quy định nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng cho từng nhân viên và cán bộ NH

- NH phải có chế độ lương bổng, khen thưởng, trợ cấp hợp lý

3.4. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.4.1 Đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

- NHTM cần hoàn thiện mô hình tổ chức theo hướng tuân thủ các nguyên lý về quản trị doanh nghiệp (corporate governance) đảm bảo phân tách rõ trách nhiệm giữa các bộ phận liên quan trong việc quản lý rủi ro và tránh xung đột lợi ích (phân tách chức năng front-middle-back).

- Hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo phương pháp tiếp cận nội bộ cơ bản hoặc nâng cao (FIRB hoặc AIRB) theo chuẩn Basel II.

- NHTM cần xây dựng hệ thống thông tin khách hàng đồng bộ, có khả năng lưu trữ dữ liệu đa chiều và theo lịch sử. Một điểm lưu ý quan trọng là chất lượng thông tin/dữ liệu phải tốt.

- Để đảm bảo hệ thống XHTDNB không ngừng được hoàn thiện và nâng cao chất lượng đòi hỏi mỗi NHTM không chỉ làm tốt công tác chuyển đổi mô hình tổ chức, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin mà để đảm bảo hệ thống vận hành có hiệu quả phải làm tốt công tác giám sát triển khai đảm bảo các bộ phận liên quan nghiêm túc tuân thủ các quy trình, trách nhiệm được phân công.

3.4.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước

- Hoàn thiện khung pháp lý đầy đủ hơn để các Ngân hàng Thương mại có căn cứ thực hiện xếp hạng tín dụng nội bộ hướng theo thông lệ quốc tế.

- Đưa ra quy định mọi hệ thống XHTDNB của các NHTM đều phải trình NHNN và chỉ được áp dụng chính thức khi nhận được phê duyệt để đảm bảo tính đồng bộ trong các hệ thống xếp hạng tại mỗi ngân hàng.

- Nâng cao vai trò của CIC và phát triển hệ thống các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập.

3.4.3. Đối với cơ quan, bộ ngành có liên quan

- Nhà nước cần có chính sách phát triển các đơn vị xếp hạng tín dụng độc lập làm cơ sở tham chiếu chung trong công tác xếp hạng tín dụng.

- Nhà nước cần xây dựng các chỉ tiêu bình quân ngành để làm cơ sở cho các Ngân hàng so sánh, đánh giá, xếp hạng khách hàng.

- Các cơ quan có thẩm quyền cần kiểm soát việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Luận văn đã nêu lên được những lý luận cơ bản về Công tác XHTD NB và ý nghĩa của công tác này trong việc quản trị rủi ro cũng hoạch định chính sách khách hàng. Từ đó, phân tích thực trạng Công tác XHTD nội bộ tại Chi nhánh Ngân hàng Công thương Đắk Nông; đồng thời rút ra mặt tích cực và hạn chế của công tác này. Nhằm đưa ra những giải pháp kiến nghị hoàn thiện công tác XHTD NB đang được triển khai tại chi nhánh Ngân hàng Công thương Đắk Nông.